

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 163 /2023/DS-PT
Ngày: 27 / 3 /2023
V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hồng Tâm;

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 137/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Kim P, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh Đào Văn P1, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đào Thị Kim M, sinh năm 1954. (có mặt)

3.2. Chị Đỗ Thị Tuyết M1, sinh năm 1990. (có mặt)

3.3. Đào Hoàng Nhật T, sinh năm 2014.

3.4. Đào Minh N, sinh năm 2008.

3.5. **Đào** Hoàng Gia H, sinh năm 2022.

Đại diện hợp pháp của cháu N, cháu T và cháu H: Đào Văn P1, sinh năm

1984. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* bị đơn Đào Văn P1, sinh năm 1984.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

Năm 2021, chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.984,1 m² đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác tọa lạc ấp L, xã T từ bà Đào Thị Kim M (cô ruột của chị) với giá 350.000.000 đồng/công (1.000m²) và chị đã được cấp quyền sử dụng theo nội dung xác nhận ngày 19/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G trên trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02344 ngày 27/10/2014. Trước khi chị nhận chuyển nhượng thửa đất này thì bà Đào Thị Kim M có cho vợ chồng em trai của chị là anh Đào Văn P1 và chị Đỗ Thị Tuyết M1 cất nhà ra riêng trên phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 651,6m² thuộc thửa số 43 nêu trên nhưng chỉ cho ở nhờ. Hiện vợ chồng anh P1 đã có phần đất khác để cất nhà sinh sống nên chị yêu cầu vợ chồng anh P1 cùng các con của anh Phấn trả lại chị phần đất này. Chị đồng ý hoàn lại công san lấp và giá trị tài sản trên đất cho anh P1 theo giá mà Hội đồng định giá xác định.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:***

Thửa đất số 43 tờ, bản đồ số 29, diện tích 1.984,1 m² tại ấp L, xã T có nguồn gốc của bà Đào Thị Kim M. Năm 2012, bà M có cho vợ chồng anh cất nhà ra riêng trên phần đất có diện tích 651,6m² thuộc một phần thửa số 43 nêu trên. Quá trình sử dụng đất, năm 2012, anh có cất 01 căn nhà tạm để vợ con sinh sống; năm 2013, anh kêu anh Nguyễn Văn N1 đổ đất san lấp diện tích ao khoảng 800m³ thành nền để trồng hoa màu và trồng 01 số cây kiểng trên đất, chi phí san lấp ao khoảng 90.000.000 đồng. Khi bà M chuyển nhượng thửa đất này cho chị P thì anh không biết. Anh cũng có phần đất khác ở vị trí đối diện phần đất này, nguồn gốc do anh được bà M tặng cho. Tuy nhiên, gia đình anh sinh sống trên phần đất này đã quen và anh đã bỏ chi phí san lấp ao thành nền như hiện trạng hiện nay nên anh không đồng ý trả đất cho chị P mà yêu cầu được mua lại theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Kim M trình bày:***

Bà là cô ruột của chị P và anh P1. Trước đây, bà có cho vợ chồng anh P1 cất nhà ở nhờ trên phần đất thuộc thửa số 43 nêu trên. Năm 2021, bà đã chuyển nhượng thửa đất này cho chị P và bà đã sử dụng số tiền bán đất để trả nợ vay ngân hàng dùm anh P1. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh P1 phải có trách nhiệm trả đất lại cho chị P.

*** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Tuyết M1 và người đại diện hợp pháp của các cháu Đào Hoàng Nhật T, Đào Minh N, Đ Hoàng Gia H là anh Đào Văn P1 trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn anh Đào Văn P1. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bản án sơ thẩm số: 184/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào: Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 166, 357, 468 và 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Kim P.

- Buộc vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 cùng các con là cháu Đào Hoàng Nhật T, Đào Minh N và Đào Hoàng Gia H1 trả lại chị Đào Kim P quyền sử dụng phần đất có diện tích 651,6 m² thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, tọa lạc ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang hiện chị Đào Kim P đứng tên quyền sử dụng theo nội dung xác nhận ngày 19/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G trên trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02344 ngày 27/10/2014.

(có sơ đồ kèm theo)

- Giao cho chị Đào Kim P được quyền sở hữu 01 căn nhà bán kiên cố có diện tích 77m² với kết cấu: móng, cột gỗ, bê tông đúc sẵn, kèo - đòn tay gỗ tạp, vách tol, nền xi măng ; 01 mái che có diện tích: 22,4m² với kết cấu: cột thép, kèo đòn tay thép, mái tol, nền đất, khẩu độ < 4m, không vách và 01 cây bưởi, 02 bụi sả. Chị Đào Kim P có nghĩa vụ hoàn lại vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 tổng giá trị tài sản này là 23.921.100 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng).

- Buộc vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 có nghĩa vụ di dời đường ống dẫn nước phi 21 dài 182m và đường ống dẫn nước phi 49 dài 46m cùng 01 cây mai vàng (đường kính gốc từ 5cm-10cm) và 01 cây mai trắng (đường kính gốc từ 5cm-10cm) ra khỏi phần đất thuộc thửa số 43 nêu trên. Chị Đào Kim P có nghĩa vụ hoàn lại vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 chi phí di dời là 2.424.078 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

- Buộc chị Đào Kim P có nghĩa vụ hoàn lại vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 chi phí san lấp ao là 95.220.000 đồng (Chín mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Anh Đào Văn P1 có nghĩa vụ hoàn lại chị Đào Kim P chi phí tố tụng là 4.237.479 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 07/9/2022, anh Đào Văn P1 là bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận cho anh được quyền sử dụng diện tích 651,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.984,1m². Đất tại ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn Đào Văn P1 xác định anh kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc chị Đào Kim P phải bán lại cho anh quyền sử dụng diện tích 651,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.984,1m².

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đào Văn P1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét Đơn kháng cáo do anh Đào Văn P1 nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm

xác định quan hệ tranh chấp: “Đòi tài sản” là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đào Văn P1, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận cho anh được quyền sử dụng diện tích 651,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.984,1m². Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét các bên đương sự đều thừa nhận quyền sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.984,1 m² đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác tọa lạc ấp L, xã T có nguồn gốc của bà Đào Thị Kim M (cô ruột của chị P) chuyển nhượng lại cho chị Đào Kim P vào năm 2021, chị P đã được cấp quyền sử dụng theo nội dung xác nhận ngày 19/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G trên trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02344 ngày 27/10/2014; Năm 2012, bà Đào Thị Kim M có cho anh Đào Văn P1 cất nhà ở nhờ trên thửa đất này và trồng cây diện tích khoảng 651,6m², hiện nay trên đất có các tài sản của anh P1 gồm: 01 căn nhà bán kiên cố diện tích 77m², trị giá 18.133.500 đồng; 01 mái che có diện tích: 22,4m², trị giá: 5.017.600 đồng; Đường ống dẫn nước phi 21 dài 182m và đường ống dẫn nước phi 49 dài 46m; Cây trồng trên đất gồm: 01 cây mai vàng (trồng dưới đất), có đường kính gốc 5cm -10cm; 01 cây mai trắng trồng dưới đất, có đường kính gốc 5cm -10cm; 01 cây bưởi loại B2 và 02 bụi sả loại 1; chi phí san lấp ao với số tiền là 95.220.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định tình tiết này là có thật.

- Xét toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.984,1 m² là tài sản hợp pháp của chị P nhưng vợ chồng anh P1 và các con đang quản lý, sử dụng diện tích 651,6m² và không đồng ý trả lại nên chị P khởi kiện đòi trả lại diện tích đất là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 166 và khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét việc anh P1 yêu cầu được mua lại quyền sử dụng đất và tiếp tục sử dụng phần đất này do gia đình anh đã quen sống ở đây là không có cơ sở chấp nhận. Vì việc chuyển nhượng lại cho anh diện tích đất là quyền tự định đoạt của chị P nhưng chị P không đồng ý. Hơn nữa hiện anh P1 cũng đang có quyền sử dụng thửa đất khác ở vị trí đối diện phần đất của chị P nên việc giao trả đất lại cho chị P không làm cho anh P1 gặp khó khăn về chỗ ở.

- Xét các tài sản trên đất của anh Đào Văn P1 không thể di dời được, chị P đồng ý hoàn trả cho anh P1 giá trị bằng tiền theo giá Hội đồng định giá là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy Bản án dân sự sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của anh Đào Văn P1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn P2 không được Hội đồng xét xử chấp nhận, anh P2 phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Đào Văn P1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 184/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào: *Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 166, 357, 468 và 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Kim P.

- Buộc vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 cùng các con là cháu Đào Hoàng Nhật T, Đào Minh N và Đào Hoàng Gia H1 trả lại chị Đào Kim P quyền sử dụng phần đất có diện tích 651,6 m² thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29, tọa lạc ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang hiện chị Đào Kim P đứng tên quyền sử dụng theo nội dung xác nhận ngày 19/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G trên trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02344 ngày 27/10/2014.

Phần đất có vị trí:

- + Đông giáp đường L (bê tông).
- + Tây giáp phần đất còn lại của thửa 43.
- + Nam giáp phần đất còn lại của thửa 43.
- + Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 43.

(có sơ đồ kèm theo)

- Giao cho chị Đào Kim P được quyền sở hữu 01 căn nhà bán kiên cố có diện tích 77m² với kết cấu: móng, cột gỗ, bê tông đúc sẵn, kèo - đòn tay gỗ tạp, vách tol, nền xi măng ; 01 mái che có diện tích: 22,4m² với kết cấu: cột thép, kèo đòn tay thép, mái tol, nền đất, khẩu độ < 4m, không vách và 01 cây bưởi, 02 bụi sả. Chị Đào Kim P có nghĩa vụ hoàn lại vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 tổng giá trị tài sản này là 23.921.100 đồng (*Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng*).

- Buộc vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 có nghĩa vụ di dời đường ống dẫn nước phi 21 dài 182m và đường ống dẫn nước phi 49 dài 46m cùng 01 cây mai vàng (đường kính gốc từ 5cm-10cm) và 01 cây mai trắng (đường kính gốc từ 5cm-10cm) ra khỏi phần đất thuộc thửa số 43 nêu trên. Chị Đào Kim P có nghĩa vụ hoàn lại vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 chi phí di

dời là 2.424.078 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

- Buộc chị Đào Kim P có nghĩa vụ hoàn lại vợ chồng anh Đào Văn P1, chị Đỗ Thị Tuyết M1 chi phí san lấp ao là 95.220.000 đồng (Chín mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Thời gian thực hiện: Khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Đào Văn P1 có nghĩa vụ hoàn lại chị Đào Kim P chi phí tố tụng là 4.237.479 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đào Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.078.300 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007629 ngày 01/3/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007989 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị còn phải nộp thêm số tiền là 5.478.300 đồng (Năm triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm đồng).

- Anh Đào Văn P1 và chị Đỗ Thị Tuyết M1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- Anh Đào Văn P1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh P1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028039 ngày 13/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân

